

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày: 16/4/2021.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H, TỈNH K. T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn N.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Thúy M và bà Lê Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 26/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Th. T

Địa chỉ: 26-268 Nam Kỳ Kh Ngh, phường 8, quận 3, thành phố H.C .M.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th. T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn Th – Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th. T – Chi nhánh K. T.(Giấy ủy quyền số 01/2020/GUQ-CNKT ngày 02/01/2020).

Địa chỉ: 353 Trần Phú, thành phố K. T, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982 và anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975; Cùng trú tại địa chỉ: Thôn 1, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T (viết tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1816900060 ngày 18/6/2018 với nội dung cụ thể như sau:

Số tiền cho vay: 270.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 12 tháng, mục đích vay vốn: Sản xuất nông nghiệp, Hợp đồng tín dụng trên đã được tái cấp vào ngày 20/6/2019 theo Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01- LD1816900060 ký ngày 20/6/2019 như sau: Số tiền vay: 270.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/ năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/6/2019 đến ngày 26/6/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay trên Bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất số 802/2018/HĐTC/PGDDH, ngày 20/6/2018 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 208660, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại Thôn 1, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, được UBND huyện Đ. H, tỉnh K. T cấp ngày 10/7/2012 mang tên bà Nguyễn Thị H.

Giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1917200031 ngày 21/6/2019 với nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 200.000.000 đồng, mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp, lãi suất 10,5%/ năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/6/2019 đến ngày 26/6/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 775/2019/HĐTC/PGDDH, ngày 26/6/2019 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 300633, thửa đất số 22d, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại xã Đăk Mar, huyện Đ. H, tỉnh K. T, được UBND huyện Đ. H, tỉnh K. T cấp ngày 28/8/2002 mang tên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm hợp đồng dẫn đến tình trạng quá hạn do không thanh toán được khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử 16/4/2021 dư nợ đã quá hạn của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H tại Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số LD1816900060 là 333.113.346 đồng. Trong đó nợ gốc: 270.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 26.175.205 đồng, lãi trong hạn quá hạn: 2.568.620 đồng, lãi quá hạn: 34.369.521 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng số LD1917200031 là : 246.750.626 đồng. Trong đó nợ gốc: 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 19.389.041 đồng, lãi trong hạn quá hạn: 1.902.681 đồng, lãi quá hạn: 25.458.904 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền tổng cộng cả gốc và lãi là 579.863.972 đồng và toàn bộ các khoản phí,

lãi suất phát sinh từ ngày 17/4/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H theo hợp đồng thế chấp tài sản số 775/2019/HĐTC/PGDDH, ngày 26/6/2019 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 300633, thửa đất số 22d, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T, được UBND huyện Đ. H, tỉnh K. T cấp ngày 28/8/2002 mang tên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T. Và Bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất số 802/2018/HĐTC/PGDDH, ngày 20/6/2018 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 208660, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại Thôn 1, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T, được UBND huyện Đ. H, tỉnh K. T cấp ngày 10/7/2012 mang tên bà Nguyễn Thị H.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ như thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H , bà Nguyễn Thị H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh ngày 06/11/2020 ông Đoàn Văn T là trưởng thôn 1, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T cho biết ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại Thôn 1, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T nhưng ông T, bà H và bà H đã đi khỏi địa phương khoảng hơn 01 năm, không biết khi nào trở về, khi đi không thông báo gì cho chính quyền địa phương biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng đã không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 117, 280, 357, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T số tiền tính đến ngày 16/4/2021 là 579.863.972 đồng, trong đó: nợ gốc là 470.000.000 đồng, lãi trong hạn là 45.564.246 đồng, lãi trong hạn quá hạn là 4.471.301 đồng, lãi quá hạn là 59.828.425 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm

cho đến khi ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H trả hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ thì tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H theo hợp đồng thế chấp tài sản số 775/2019/HĐTC/PGDDH, ngày 26/6/2019 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 300633, thửa đất số 22d, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại xã Đ.M, huyện Đ. H, tỉnh K. T, được UBND huyện Đ. H, tỉnh K. T cấp ngày 28/8/2002 mang tên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T. Và tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất số 802/2018/HĐTC/PGDDH, ngày 20/6/2018 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 208660, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại Thôn 1, xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T, được UBND huyện Đ. H, tỉnh K. T cấp ngày 10/7/2012 mang tên bà Nguyễn Thị H được phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ.M, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, như vậy ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Việc xác lập các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của pháp luật, thỏa mãn Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong những hợp đồng này.

[3] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc, lãi: Giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã ký kết các Hợp đồng tín dụng số LD1816900060 ngày 18/6/2018: Số tiền cho vay: 270.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 12 tháng, mục đích vay vốn: Sản xuất nông nghiệp, Hợp đồng tín dụng trên đã được tái cấp vào ngày 20/6/2019 theo Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 - LD1816900060

ký ngày 20/6/2019 như sau: Số tiền vay: 270.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/ năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/6/2019 đến ngày 26/6/2020 và Hợp đồng tín dụng số LD1917200031 ngày 21/6/2019 với Số tiền vay: 200.000.000 đồng, mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp, lãi suất 10,5%/ năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/6/2019 đến ngày 26/6/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi của bên vay theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng. Do đó, căn cứ Điều 280 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử 16/4/2021 là 579.863.972 đồng, trong đó: nợ gốc là 470.000.000 đồng, lãi trong hạn là 45.564.246 đồng, lãi trong hạn quá hạn là 4.471.301 đồng, lãi quá hạn là 59.828.425 đồng đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H trả hết nợ cho Ngân hàng.

Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nói trên, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã ký các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng cụ thể như sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất số 802/2018/HĐTC/PGDDH, ngày 20/6/2018 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 208660, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại Thôn 1, xã Đ.M, huyện Đ. H, tỉnh K. T, được UBND huyện Đ. H, tỉnh K. T cấp ngày 10/7/2012 mang tên bà Nguyễn Thị H. Hợp đồng thế chấp tài sản số 775/2019/HĐTC/PGDDH, ngày 26/6/2019 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 300633, thửa đất số 22d, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T, được UBND huyện Đ. H, tỉnh K. T cấp ngày 28/8/2002 mang tên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T. Các tài sản thế chấp nói trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. H, theo đúng quy định của pháp luật. Nay do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại các Điều 298, Điều 299, Điều 317; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323 và Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 thì các tài sản thế chấp nói trên sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu 28.993.198 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các điều 117, 280, 357, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T tổng số tiền 579.863.972 đồng (*Năm trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi ba ngàn, chín trăm bảy mươi hai đồng*); trong đó: nợ gốc là 470.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*), lãi trong hạn là 45.564.246 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi bốn ngàn, hai trăm bốn mươi sáu đồng*), lãi trong hạn quá hạn là 4.471.301 đồng (*Bốn triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn, ba trăm lẻ một đồng*), lãi quá hạn là 59.828.425 đồng (*Năm mươi chín triệu, tám trăm, hai mươi tám ngàn, bốn trăm hai mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H không trả đúng hoặc trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T thì tài sản thế chấp bảo đảm của bà Nguyễn Thị H đã ký kết thế chấp với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất số 802/2018/HĐTC/PGDDH, ngày 20/6/2018 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 208660, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại Thôn 1, xã Đ. M, huyện Đ.H, tỉnh K. T, được UBND huyện Đ. H, tỉnh K. T cấp ngày 10/7/2012 mang tên bà Nguyễn Thị H. Và tài sản thế chấp bảo đảm của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã ký kết thế chấp với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 775/2019/HĐTC/PGDDH, ngày 26/6/2019 với Ngân hàng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 300633, thửa đất số 22d, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại xã Đ. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T, được UBND huyện Đ. H, tỉnh K. T cấp ngày 28/8/2002 mang tên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T sẽ được phát mãi để thu hồi toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H chậm trả số tiền nói trên thì phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng cho đến khi thi hành án xong.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157; Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

- Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu 28.993.198 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. T số tiền 12.809.210 đồng (*Mười hai triệu, tám trăm không chín ngàn, hai trăm mười đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/00004375 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.H, tỉnh K. T.

- **Về hướng dẫn thi hành án dân sự:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/4/2021) các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đ. N;
- TAND tỉnh K. T;
- VKSND H. Đ. H;
- Chi cục THADS H. Đ. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quách Văn N

